VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN
——————— ~*~ ———————

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————o0o————————

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 05/04/2022)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		05/04		06/04				07/04		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	-76	-21	89	22	-98	-41	92	59	-109
	Cửa Ông	-67	-21	85	14	-84	-42	94	50	-92
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	-58	-24	90	6	-70	-48	97	36	-77
	Bạch Long Vĩ	-62	-11	86	-1	-76	-29	99	29	-86
Thái Bình	Thái Thụy	-54	-26	89	4	-64	-48	96	32	-71
Nam Định	Hải Hậu	-48	-23	84	-3	-55	-44	95	23	-60
Ninh Bình	Kim Sơn	-44	-25	84	-5	-51	-45	95	20	-56
Thanh Hóa	Quảng Xương	-40	-27	83	-5	-46	-47	92	19	-49
Nghệ An	Diễn Châu	-35	-26	76	-3	-38	-45	84	17	-38
	Hòn Ngư	-36	-23	73	-3	-39	-43	82	17	-39
Hà Tĩnh	Thạch Hà	-33	-18	62	1	-34	-38	73	17	-33
Quảng Bình	Quảng Trạch	-36	-1	35	8	-30	-20	49	16	-22
	Quảng Ninh	-30	7	20	9	-22	-8	34	12	-13
Quảng Trị	Gio Linh	-25	15	7	8	-17	6	19	7	-8
	Còn Cỏ	-28	17	6	5	-21	7	19	3	-14
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	-19	23	-7	7	-10	20	4	1	-4
	Phú Lộc	-14	30	-20	5	-6	30	-10	-3	1
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	-10	35	-28	4	-2	36	-21	-6	4
	Hoàng Sa	-4	43	-41	-11	-1	49	-35	-26	-2
Quảng Nam	Tam Kỳ	-4	42	-37	3	3	47	-31	-11	9
	Cù Lao Chàm	-7	38	-35	1	0	42	-28	-11	6
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	0	48	-41	1	6	53	-35	-16	9
	Lý Sơn	-2	45	-41	-2	4	50	-35	-18	7
Bình Định	Phú Mỹ	1	50	-42	0	7	54	-35	-16	3
	Quy Nhơn	-8	43	-47	-4	3	48	-39	-22	3
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	-6	44	-48	-7	2	50	-39	-24	4
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	0	53	-39	-4	7	62	-30	-22	8
	Trường Sa	5	50	-38	-15	9	58	-28	-29	8
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	-3	55	-43	-8	3	59	-31	-24	11
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	32	56	-13	-30	45	59	1	-49	47
	Phú Quý	6	56	-37	-12	14	61	-26	-29	17
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	104	12	65	-110	99	26	75	-112	82
	Côn Đảo	97	-2	79	-121	86	15	91	-124	70
TPHCM	Cần Giờ	115	6	77	-121	107	20	89	-118	88
Tiền Giang	Gò Công Tây	122	3	83	-127	113	15	97	-125	94
Bến Tre	Ba Tri	133	10	99	-134	116	14	114	-132	98
Trà Vinh	Duyên Hải	135	-5	109	-142	117	9	119	-140	97
Sóc Trăng	Tân Phú	138	-14	124	-144	112	3	127	-141	88
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	122	-14	127	-129	88	9	127	-122	59
Cà Mau	Năm Căn	77	2	106	-93	45	20	107	-85	23
	Trần Văn Thời	30	7	55	-32	17	5	64	-31	19
Kiên Giang	Rạch Giá	13	11	27	3	10	-6	50	-4	25
	Phú Quốc	3	14	26	26	-7	1	28	26	6
	Thổ Chu	8	17	26	19	-3	6	23	20	7

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	**Hướng thịnh hành**	**Ghi chú**
Bắc vịnh Bắc Bộ	0.3 - 0.9	Đông, Đông Bắc	
Nam vịnh Bắc Bộ	0.8 - 1.8	Đông, Đông Bắc	
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	1.5 - 2.6	Đông Bắc, Đông	Cảnh báo
Bình Định đến Ninh Thuận	2.5 - 3.6	Đông Bắc	Cảnh báo
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 3.9	Đông Bắc	Cảnh báo
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 1.9	Đông, Đông Bắc	
Quần đảo Hoàng Sa	2.7 - 3.0	Đông Bắc	Cảnh báo
Quần đảo Trường Sa	1.6 - 2.6	Bắc, Đông Bắc	Cảnh báo
Bắc Biển Đông	1.6 - 3.6	Đông Bắc, Đông	Cảnh báo
Giữa Biển Đông	1.1 - 2.9	Đông Bắc, Bắc	Cảnh báo
Nam Biển Đông	0.8 - 3.2	Bắc, Đông Bắc	Cảnh báo

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 06/04/2022

Người xây dựng bản tin: Nguyễn Hồng Hạnh

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

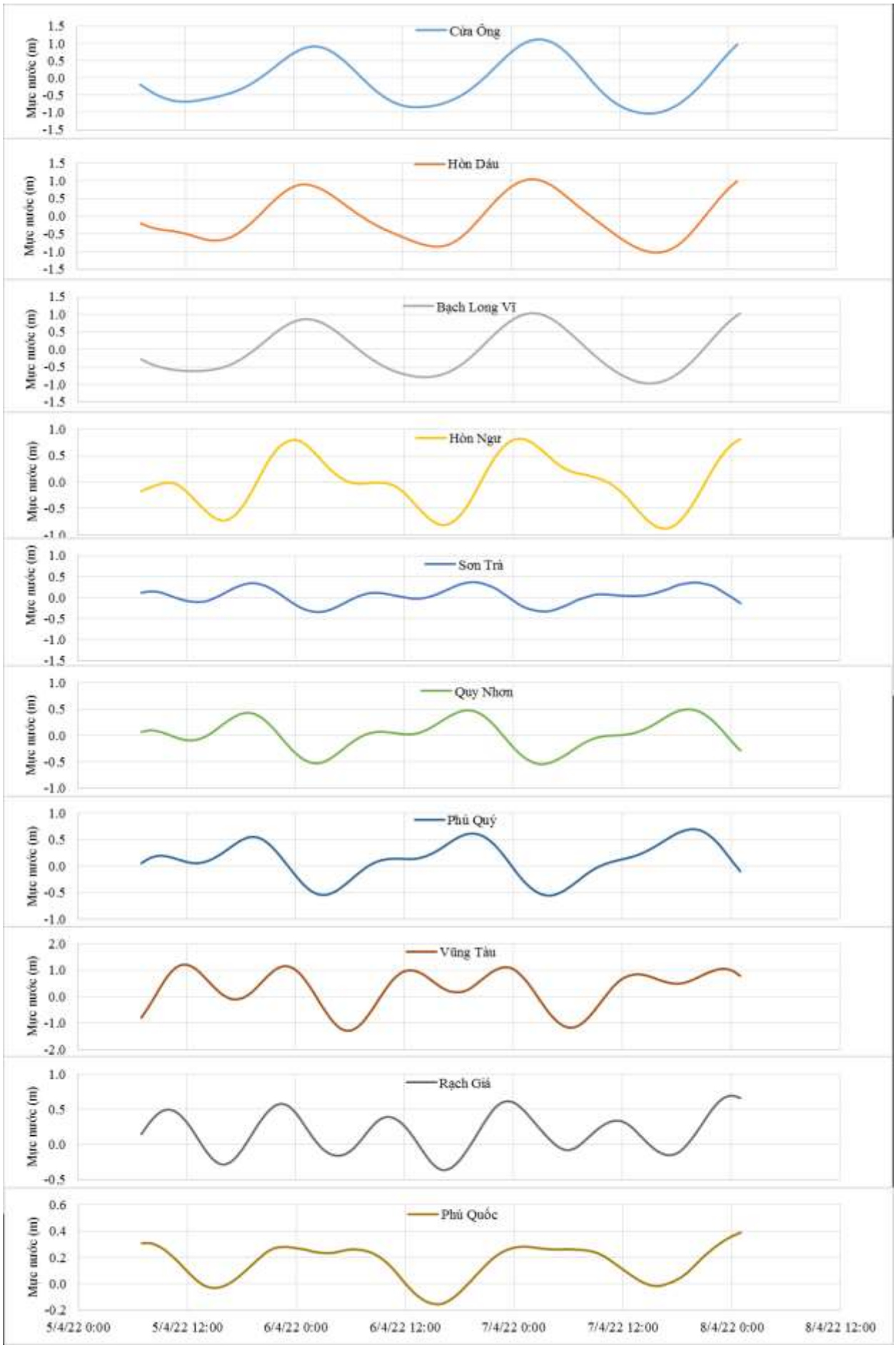

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

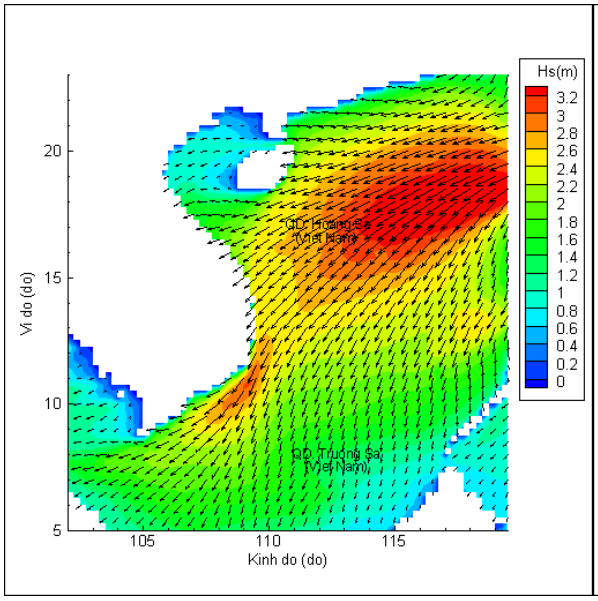

Lúc 13h ngày 05/04/2022

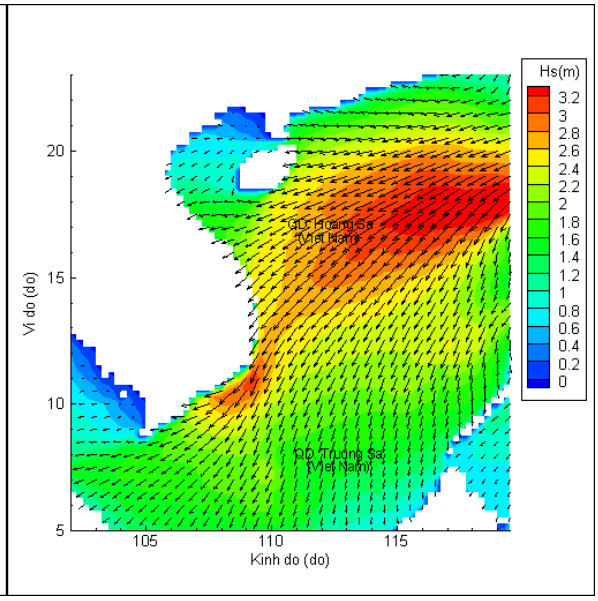

Lúc 19h ngày 05/04/2022

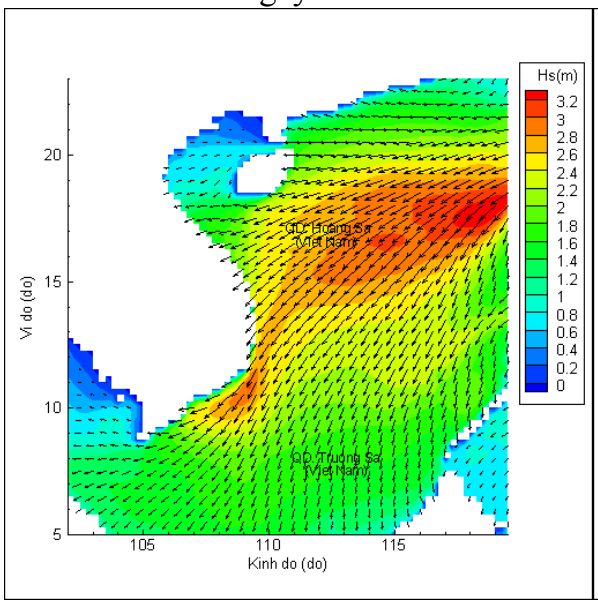

Lúc 01h ngày 06/04/2022

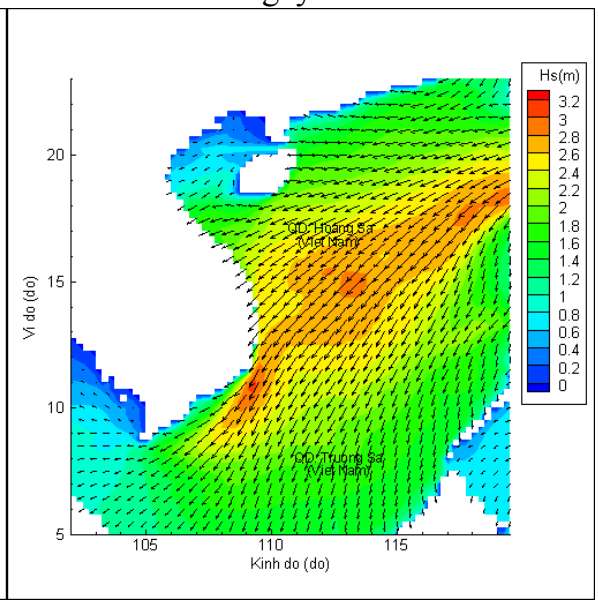

Lúc 13h ngày 06/04/2022

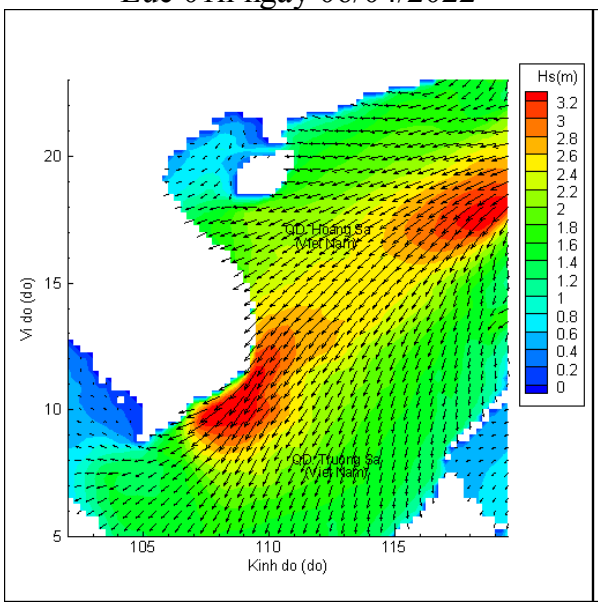

Lúc 01h ngày 07/04/2022

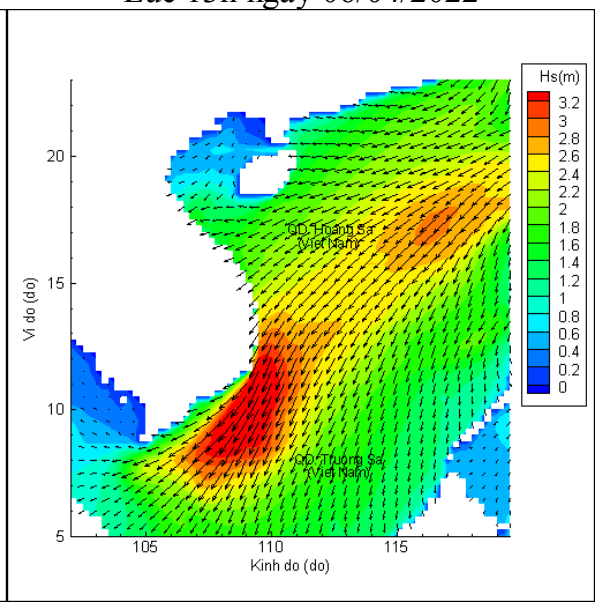

Lúc 13h ngày 07/04/2022